

Số: 233/2026/QĐST-DS

Vinh Long, ngày 26 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 578/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay”

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khóm T, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn: Ông **Lê Nhựt H**, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp S, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1980.

Bà **Quách Thị T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T, phường N, Tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Nhựt H đại diện nguyên đơn cùng ông Nguyễn Văn C và bà Quách Thị T thỏa thuận thống nhất:

1/ Bị đơn bà Quách Thị T, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn Nguyễn Thị N quyền sử dụng đất thửa đất số 777, tờ bản đồ số 25 (nay là tờ bản đồ 115), diện tích 482,1 m², tọa lạc tại khóm T, phường N, tỉnh Vĩnh Long theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết ngày 04/8/2023 và giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất sang tên cho bà Nguyễn Thị N ngày 25/9/2023.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tự nguyện cho bị đơn bà Quách Thị T, ông Nguyễn Văn C được quyền lưu cư trên thửa đất 777, tờ bản đồ 25 (nay là tờ bản đồ 115), tọa lạc tại khóm T, phường N, tỉnh Vĩnh Long đến hết năm 2028.

Khi hết thời hạn lưu cư theo thỏa thuận trên, bị đơn Quách Thị T, Nguyễn Văn C có nghĩa vụ phải di dời toàn bộ tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4 khung cột BTCT, tường gạch mái tole sóng vuông không trần có diện tích 65,5m²; nhà phụ khung BTCT, mái tole, vách tole có diện tích 45,6m²; nhà vệ sinh và chuồng gà trên đất để

giao diện tích 482,1 m² đất thuộc thửa đất 777, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại khóm T, phường N, tỉnh Vĩnh Long cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

2/ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn Quách Thị T, Nguyễn Văn C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 137747 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 15/9/2023, thửa 950, tờ bản đồ 25, diện tích 165m² địa chỉ ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là tờ bản đồ 115, khóm T, phường N, tỉnh Vĩnh Long).

3/ Bị đơn bà Quách Thị T, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N số tiền vay 160.000.000 đồng và lãi phát sinh là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Số tiền án phí là 4.750.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 50% là 2.375.000 đồng. Cấn trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0008568, ngày 06/11/2025 nguyên đơn phải nộp thêm 2.075.000 đồng. Cấn trừ vào số tiền bị đơn đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0012607, ngày 26/6/2026 bị đơn phải nộp thêm 2.075.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 4.064.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 2.032.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trước nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 2.032.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa là 5.936.000 đồng tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSNDKV10;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Giáp Trà Giang